TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2025/DS-PT
Ngày: 10-03-2025
"V/v tranh chấp thừa kế tài sản, đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đ1

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh E tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh E xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp thừa kế tài sản, đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2024/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 735/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp Hoà Bình, xã LH, huyện G, tỉnh E.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp H, xã LH, huyện G, tỉnh E.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 104/AĐL, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh E.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 508, ấp N, xã B, huyện G, tỉnh G.

Địa chỉ liên hệ: Số 104/AĐL, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh E.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp Hoà Bình, xã LH, huyện G, tỉnh E.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc C: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 508, ấp N, xã B, huyện G, tỉnh T.

Địa chỉ liên hệ: Số 104/AĐL, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh E.

3.2. Anh Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp Hoà Bình, xã LH, huyện G, tỉnh E.

4. Người làm chứng do bị đơn triệu tập:

4.1. Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 1958.

4.2. Ông Phạm Quốc C, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số 648, ấp L, xã LN, huyện G, tỉnh E.

4.3. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1980.

4.4. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1968.

4.5. Bà Lê Thị M, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh E.

4.6. Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh E.

4.7. Ông Từ Hiếu L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 2/4, Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh E.

4.8. Bà Nguyễn Thị Ch sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp H, xã LN, huyện G, tỉnh E.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi, bị đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Sau khi ly hôn với vợ trước, năm 1999 ông Nguyễn Văn Gi về ấp 2, xã LH mua 03 công đất và đứng tên, cất nhà nuôi Sang và Đ1 là 02 con của ông Gi và vợ trước. Năm 2000, ông Gi và bà Nguyễn Thị Châu Tiến (sinh năm 1960, nơi cư trú

ấp 2, xã Lương Hòa) cưới nhau. Ngày 13/4/2001, vợ cH ông Gi được UBND xã LH cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Từ đó, bà Tiến cùng với ông Gi nuôi 02 con ông Gi tại nhà bà Tiến. Đến ngày bà Tiến chết (ngày 11/4/2023) ông Gi và bà Tiến vẫn không có con chung, bà Tiến cũng không có con riêng, con nuôi. Cha mẹ của bà Tiến là ông Nguyễn Ngọc Nhạn (chết năm 1998) và bà Nguyễn Thị Điệc (chết năm 2010).

Sau khi về sống chung ông Gi, bà Tiến được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 04 phần đất như sau:

Ngày 27/02/2012, bà Tiến được cấp lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 phần đất (thửa 14, tờ bản đồ 10 diện tích 287m^2 và thửa 15, tờ bản đồ 10 diện tích 1128.3m^2 xã Lương Hòa) trên cơ sở đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo toạ độ (trước đó, bà Tiến đã được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận đối với 02 phần đất này, số thửa cũ là 1949, tờ bản đồ 1 vào ngày 23/7/1997).

Ngày 09/8/2018, bà Tiến được cấp 02 Giấy chứng nhận đối với 02 phần đất (thửa 348, tờ bản đồ 7 diện tích 1.037,6m^2 và thửa 251, tờ bản đồ 10 diện tích 888,3m^2 xã Lương Hòa) trên cơ sở nhận thừa kế tài sản của cha mẹ bà Tiến (ông Nguyễn Ngọc Nhạn và bà Nguyễn Thị Điệc).

Nguồn gốc của 4 thửa đất nêu trên là do bà Tiến thừa hưởng từ cha mẹ bà Tiến chứ bà Tiến không có mua. Ông Gi và bà Tiến cùng nhau chăm sóc dừa đã có sẵn và trồng thêm chuối, dừa trên 02 thửa đất (thửa 251, tờ bản đồ 10 và thửa 348, tờ bản đồ 7) và hưởng hoa lợi bởi vì vợ cH ông Gi hiểu đây là đất của vợ cH ông; còn 02 phần đất (thửa 14 và 15, cùng tờ bản đồ 10) cha mẹ dặn cho em ruột bà Tiến là ông Nguyễn Ngọc Trực nên vợ cH ông Gi hiểu đây là của ông Trực, bà Tiến chỉ đứng tên giùm ông Trực nên vợ cH ông không trồng gì thêm.

Ông Nguyễn Ngọc C (em ruột bà Tiến) nhà sát bên nhà bà Tiến nhậu về hay quậy phá, chặt cây cối của vợ cH ông trồng, kêu bà Tiến phải ly hôn với ông Gi (do vợ cH ông không có con chung) nên để giải quyết êm xuôi vấn đề này, vợ cH ông làm "Đơn thuận tình ly hôn" đề ngày 06/12/2010 được UBND xã LH chứng thực chữ ký. Bà Tiến đem đơn về đưa cho ông C xem để ông C tin là vợ cH ông đã ly hôn chứ vợ cH ông đều hiểu "Đơn thuận tình ly hôn" này không có giá trị pháp lý mà chỉ khi có quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì hôn nhân mới chấm dứt. Việc ký đơn thuận tình ly hôn như nói trên là để em bà Tiến không gây khó vợ cH ông nhưng thực tế bà Tiến và ông vẫn luôn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm vợ cH (bà Tiến - ông Gi), mẹ con (bà Tiến – anh Đ1) rất tốt, bà Tiến hỗ trợ ông Gi nuôi anh Đ1 ăn học từ lúc 6 tuổi đến khi thành tài. Do ông cũng có nhà riêng cách nhà bà Tiến khoảng 100m (trên phần đất 03 công mà ông mua như đã trình bày ở trên) nên ông cũng phải về thăm nhà, có đêm cũng phải ngủ lại nhà cho ấm nhà chứ ông sống ở nhà bà Tiến cất trên thửa 251 là chính. Khoảng năm

2014, nhà bị hư nóc, sụp nền nên vợ cH ông sửa lại nhà (lợp tole, sửa nền, làm phòng ngủ riêng cho vợ cH, phòng có vách ngăn bằng cây và tole cũ). Năm 2015, vợ cH ông cất thêm một căn nhà tường (3m x 8m) phía trước, nối liền với nhà cây đã có sẵn để ở cho rộng rãi, tiền cất nhà khoảng 80.000.000 đồng do vợ cH ông dành dụm. Cuối năm 2022, bà Tiến phát hiện bệnh nan y, hơn 03 tháng sau thì bà Tiến chết. Thời gian này, ông Gi vẫn quan tâm, chăm lo vệ sinh, phụ tiếp khách thăm bà Tiến với sự hỗ trợ của bà Nguyễn Thị H (em ruột bà Tiến). Bà Tiến có nói với ông không cần lo chuyện tiền bạc trị bệnh và hậu sự (nếu không qua khỏi) cho bà Tiến bởi vì tiền thăm bệnh và tiền bà để dành bấy lâu nay đủ, bà nhờ bà H giữ và lo liệu; trước khi chết không lâu, bà Tiến còn nói sau khi bà chết, số nữ trang của bà (ông Gi nhớ là bà Tiến có 08 chỉ vàng gồm: 2 sợi dây chuyền, 01 đôi bông và 02 chiếc nhẫn) sẽ tặng cho bà H làm kỷ niệm do bà H có công nuôi bệnh và cực khổ với bà quá nhiều. Ban đầu, ông Gi cũng không muốn nhận di sản thừa kế mà dự định giao cho bà H vì dù sao đất đai cũng có nguồn gốc bên gia đình bà Tiến chia cho bà Tiến, ông không có đóng góp gì nhiều, hơn nữa bà H có công chăm sóc bà Tiến thời gian bà Tiến bệnh. Tuy nhiên, sau khi bà Tiến chết, bà H có nhiều hành động quá đáng: lục lọi phòng riêng, tủ cá nhân vợ cH ông, cất giấu những giấy tờ cá nhân của vợ cH ông, giấy tờ đất, tự ý chiếm giữ nhà cửa, đất đai, chửi bới, khoá cửa không cho ông tới lui nhà để ở cúng cơm, nhan khói cho bà Tiến, đi rêu rao với mọi người là ông giành tài sản, kêu xe chở đồ về nhà bà H ở Ba Tri gồm: 01 tủ nhôm kiếng ở nhà sau (của bà H mua), 01 máy massage (của bà H chở từ Ba Tri lên cho bà Tiến nằm lúc bệnh), 01 máy giặt và 01 máy nước nóng (của bà Tiến bởi vì lúc bà Tiến còn sống, bà Tiến có nói ông Gi là đã trả 15.000.000 đồng cho chị Soàn - con gái bà H mua giùm bà Tiến). Do đó, ông Gi thưa ra UBND xã Lương Hòa nhờ giải quyết cho ông được nhận di sản thừa kế của bà Tiến (thửa 251, tờ bản đồ 10 và thửa 348, tờ bản đồ 7 và thửa 14, 15, cùng tờ bản đồ 10) theo pháp luật do ông vẫn là cH hợp pháp của bà Tiến. Lúc này, bà H đưa ra Tờ di chúc do bà Tiến lập vào ngày 19/5/2014 có xác nhận của UBND xã Lương Hòa, theo tờ di chúc này thì sau khi bà Tiến qua đời, bà Tiến để lại cho ông Nguyễn Ngọc Trực 02 phần đất (thửa 14, 15 cùng tờ bản đồ 10 xã Lương Hòa) nên ông đồng ý theo di chúc bà Tiến, để cho ông Trực (có sự hỗ trợ của ông Nguyễn Ngọc C) làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, ông Trực đã quản lý, sử dụng 02 phần đất này. Còn lại 02 phần đất (thửa 251, tờ bản đồ 10 và thửa 348, tờ bản đồ 7): bà H và ông C nhất định không giao cho ông mà cho rằng bà Tiến có hứa và đã có lập di chúc đề ngày 29/01/2023 để lại cho bà H toàn quyền sử dụng sau khi bà Tiến chết. Do đó, ông Gi mới khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho ông hưởng toàn bộ di sản thừa kế của bà Tiến theo quy định pháp luật đối với đất và toàn bộ tài sản trên đất diện tích 1037,6m^2 thửa 348, tờ bản đồ 7 và diện tích 888.3m^2 thửa 251, tờ bản đồ 10 tọa lạc xã LH, huyện G, tỉnh E. Bởi lẽ: Di chúc đề ngày 29/01/2023 có chữ ký, chữ viết (được bà H và những người thân thích của bà H làm chứng cho rằng đó là chữ ký, chữ viết

của bà Tiến) không có giá trị pháp lý vì hình thức, nội dung di chúc không tuân thủ quy định pháp luật; hàng thừa kế thứ nhất của bà Tiến chỉ có duy nhất một người là ông Gi.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày 09/8/2024, ông Gi vẫn giữ nguyên yêu cầu bà H giao lại cho ông 02 phần đất nêu trên, ông đồng ý trả cho bà H số tiền mà bà H đã chi ra để lo ăn uống, trị bệnh và hậu sự cho bà Tiến, tiền công lao động của bà H bị mất do nuôi bệnh bà Tiến, tiền bà H sửa lại căn phòng ngủ ở nhà sau (vào thời điểm 2017- 2018), tiền cát lắp sân sau để chuẩn bị làm đám tang bà Tiến, gồm 08 khoản sau:

- Tiền trả cho Họ đạo Mỹ Thạnh là 10.000.000 đồng để làm các lễ cúng cho bà Tiến (do chính mắt Đ1 thấy bà H đưa tiền cho đại diện Họ đạo);

- Tiền trả cho dịch vụ trại hòm trọn gói là 37.000.000 đồng (có giấy xác nhận của chủ trại hòm...);

- Tiền vật tư và công xây mộ bà Tiến là 11.000.000 đồng (có Giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn Bền là người trực tiếp xây mộ bà Tiến);

- Chi phí ăn uống đãi khách, mua sắm lặt vặt cho toàn bộ đám tang bà Tiến là 20.000.000 đồng (do đám bà Tiến đãi chay, đốn dừa nhà lấy tàu hũ nấu, đám không chấp điếu nên khách cúng nhan, bánh, trái cây rất nhiều nên lấy đồ đó để đãi khách, lượng khách cũng tương đương với đám tang ông 3 Hoàng gần đó thời điểm đó nên bà Nguyễn Thị Huệ (người nhà ông 3 Hoàng) đã xác nhận chi phí đám ông 3 Hoàng là 17.000.000 đồng).

- Tiền xe là 6.500.000 đồng (4 chuyến xe bao đưa rước bà Tiến lên Sài Gòn khám bệnh) + tiền ăn uống là 5.000.000 đồng (do bà Tiến bệnh ung thư Đại tràng nên không ăn uống gì được, chỉ ăn cháo, uống sữa và nước yến của khách thăm bệnh cho chứ không có mua) + tiền thuốc, xét nghiệm điều trị bệnh là 1.000.000 đồng (do bà Tiến được bảo hiểm y tế chi trả 95%, còn lại 5% do người bệnh chi trả khoảng 1.000.000 đồng, ngoài ra Đ1 có trả tiền những loại thuốc ngoài danh mục thuốc bảo hiểm, tiền vật tư y tế, mua lặt vặt ở tiệm thuốc tây khoảng 4.000.000 đồng) = 12.500.000 đồng.

- Tiền công lao động bà H bị mất do phải chăm sóc bà Tiến từ ngày 18/11/2022 đến ngày 21/02 (sau)/2023 âm lịch tổng cộng là 121 ngày x 300.000 đồng/ngày = 36.300.000 đồng.

- Tiền bà H sửa lại căn phòng ở nhà sau để những khi bà H lên nhà bà Tiến chơi có chỗ ngủ nghỉ (vào khoảng năm 2017-2018) là 2.000.000 đồng (theo giá mà các đương sự thống nhất tại Biên bản định giá tài sản ngày 11/6/2024).

- Tiền cát đổ lắp sân nhà sau là 3.000.000 đồng (ông Gi đồng ý số lượng cát nằm trên đất bà Tiến là ¾, còn ¼ tràn qua đất bà Châu Anh, nên tiền cát được tính

như sau: ¾ x 2 ghe x 2.000.000 đồng/ghe = 3.000.000 đồng (theo ông Gi, thời điểm đó ông Mẫn không chở đầy ghe cát mà lót cát phía dưới để gạch phía trên; tuy nhiên nếu chở đầy thì 01 ghe tối đa được 8m^3 cát = 2.000.000 đồng/ghe).

Đối với khoản tiền làm nhà vệ sinh là 12.081.283 đồng (theo giá định giá ngày 11/6/2024): Ông Gi thừa nhận bà H đứng ra xây cất và trả tiền sau khi sau khi bà Tiến chết nhưng ông Gi không đồng ý trả cho bà H khoản tiền này bởi lẽ bà H việc xây cất nhà vệ sinh này cất trái với ý nguyện bà Tiến lúc còn sống (bà Tiến có nói là xây nhà vệ sinh sát nhà để sau này già yếu sử dụng cho tiện, cho gần chứ không chịu làm xa nhà, ông đã cung cấp cho Tòa án giấy của bà Phan Thị Rin xác nhận ý nguyện này của bà Tiến), bà H tự cất để phục vụ cho nhu cầu của bà và con cháu bà, ông Gi lớn tuổi không thể sử dụng nhà vệ sinh xa nhà.

Tuy nhiên, do bà Tiến có giao cho bà H cất giữ là tổng cộng là 68.200.000 đồng (gồm 23.200.000 đồng tiền thăm bệnh + 5.000.000 đồng tiền mặt + 40.000.000 đồng tiền trong thẻ ATM) nên ông Gi yêu cầu trừ số tiền này vào số tiền của 08 khoản nêu trên, còn lại ông sẽ trả đủ cho bà H.

Từ ngày 10/8/2024 đến tại phiên tòa sơ thẩm, ông Gi thay đổi ý kiến như sau:

Ông Gi không đồng ý trả lại cho bà H số tiền mà ông đã đồng ý trong những biên bản hoà giải của Tòa án trước đây. Bởi lẽ việc đồng ý vậy chẳng khác nào ông thừa nhận bà Tiến sống làm việc cả đời đến khi chết không để lại tiền bạc gì để trị bệnh và lo hậu sự mà phải dựa vào bà H, bà Tiến có nói với ông là tiền bà giao bà H là đủ rồi nên ông không cần phải lo. Ông Gi cũng không đồng ý trả tiền công lao động bị mất cho bà H do nuôi bệnh bà Tiến bởi lẽ lúc còn sống bà Tiến nói là tặng cho bà H bộ trang sức 08 chỉ vàng để bù đắp lại. Đối với các khoản tiền xe đi khám bệnh, tiền bà Tiến ăn uống 3 tháng, tiền thuốc, xét nghiệm điều trị bệnh, tiền cát lắp sân nhà sau, tiền căn phòng ngủ của nhà sau (làm 2017-2018), lúc đó bà Tiến còn sống nên đó là tiền của bà Tiến (bà Tiến đưa bà H trả giùm hoặc bà H trả trước rồi bà Tiến trả lại bà H sau) nên ông Gi không đồng ý trả lại bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Gi đồng ý xác định 02 khoản tiền sau:

- Tiền căn phòng của nhà sau (làm khoảng năm 2017-2018 cho bà H ngủ nghỉ) do bà H chi trả bằng tiền của bà H, giá trị 2.000.000 đồng, ông Gi đồng ý trả lại cho bà H.

- Tiền xe đi khám bệnh tổng cộng là 10.500.000 đồng đúng như bà H trình bày, tuy nhiên tiền này của bà Tiến đưa bà H trả giùm hoặc bà H trả trước rồi bà Tiến trả lại bà H sau) chứ không phải tiền của bà H nên ông Gi không đồng ý trả lại bà H.

Ngày Tòa án đo đạc, các đương sự và ông C đã thống nhất ranh chỉ đo theo

thực tế sử dụng, tuy nhiên kết quả đo đạc thể hiện phần đất chỉ đo có 22.8m^2 thuộc thửa 33a của ông C, ông Gi và ông C đều không tranh chấp với nhau trong vụ án này. Quá trình sử dụng về sau, các bên sẽ tự thương lượng với nhau về phần diện tích đất này. Đối với các tài sản của bà H đã chở đi về Ba Tri (01 máy giặt và 01 máy nước nóng, máy massage, tủ nhôm kiếng) ông Gi không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Gi yêu cầu bà H phải giao cho ông Gi phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 810.9m^2, thửa 251a, tờ bản đồ 10 và phần đất diện tích 1.037,6 m^2 thửa 348, tờ bản đồ 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên 02 phần đất này. Trong căn nhà trên phần đất thửa 251a có xoong nồi, chén bát và các vật dụng nhỏ nhặt mà bà H, bà Tiến sắm lúc còn sống, bà H tự di dời và dọn đi, ông Gi không có nhu cầu sử dụng nên ông sẽ mua cái khác. Còn bàn thờ của bà Tiến, Cô 5, Chú 9 của bà Tiến thì bà H có thể để vậy mà không cần dọn di do ông Gi tôn trọng người đã chết.

Sau khi bà Tiến chết, ông Gi có nhận 14.900.000 đồng của Bảo hiểm xã hội huyện G chi trả theo chế độ do bà Tiến là cán bộ hưu trí, do ông là người thừa kế duy nhất của bà Tiến nên số tiền này ông nhận là phù hợp. Do đó, ông không đồng ý trả lại cho bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là em ruột của bà Nguyễn Thị Châu Tiến. Ông Gi đã có con riêng và đã ly hôn với vợ trước. Sau đó, ông Gi và bà Tiến tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống, vợ cH ông Gi hay xảy ra mâu thuẫn, con riêng của ông Gi là Sang hay nhậu và quấy rối nên cuộc sống vợ cH ông Gi không hạnh phúc, cuối cùng bà Tiến và ông Gi mới ra UBND xã Lương Hòa nộp đơn xin ly hôn và được chủ tịch UBND xã Lương Hòa xác nhận vào ngày 06/12/2010. Thực tế, ông Gi sống nhà ông Gi, bà Tiến sống nhà bà Tiến, không có chung sống hạnh phúc như ông Gi trình bày, việc qua lại, quan tâm nhau giống như tình làng nghĩa xóm, ông Gi làm việc gì cho bà Tiến thì bà Tiến trả tiền công đầy đủ, sòng phẳng. Sau khi cha mẹ chết, các anh chị em bà phân chia đất, bà được chia phần đất diện tích 1.037,6m^2 thửa 348, tờ bản đồ 7 xã Lương Hòa nhưng do bà ở xa Ba Tri, bà cứ nghĩ ông Gi và bà Tiến đã ly hôn nên bà để cho bà Tiến đứng tên luôn cả phần đất mà bà được chia.

Năm 2015, bà Tiến bỏ tiền ra khoảng 80.000.000 đồng (đây là tiền của cha mẹ chết để lại cho chị em bà, chị em bà thống nhất cho chị Tiến số tiền này để bà Tiến cất nhà tường nối liền, phía trước căn nhà cũ (cột đúc, nền gạch tàu, mái tol) của bà Tiến đang ở. Sau khi có căn nhà tường, năm 2017-2018, bà Tiến cho bà căn nhà sau nên bà đã bỏ tiền ra sửa nền, sửa lại phòng để mỗi khi lên chơi thì có chỗ ngủ nghỉ.

Thời điểm bà Tiến bệnh đến khi chết, ông Gi và Đ1 cũng có hỗ trợ công sức để cùng chị em bà chăm lo cho bà Tiến nhưng không có bỏ tiền ra để chi trả mà toàn bộ do bà bỏ ra. Lúc còn sống, bà Tiến giao cho bà tiền mặt 5.000.000 đồng + 30.000.000 đồng tiền trong thẻ ATM của bà Tiến + tiền thăm bệnh 8.400.000 đồng, tổng cộng là 43.400.000 đồng để nhờ bà chi trả toàn bộ các chi phí cần thiết để trị bệnh và lo hậu sự bà Tiến. Bà Tiến còn nói với những người bà con, quen biết và lập 02 tờ di chúc giống y nhau đề ngày 19/01/2023 để sau khi qua đời thì bà H sẽ được nhận toàn bộ đất và tài sản trên 02 phần đất (diện tích 1037,6m^2 thửa 348, tờ bản đồ 7 và diện tích 888.3m^2 thửa 251, tờ bản đồ 10 xã Lương Hòa, bà H sẽ có trách nhiệm lo cho bà Tiến và thờ cúng bà Tiến, Cô 5, Chú 9 của bà mà bà Tiến thờ cúng khi còn sống. Do đó, bà là người chăm sóc, đứng ra chi trả các khoản ăn uống, xe cộ đi khám bệnh, tiền thuốc điều trị bệnh và lo toàn bộ đám tang, chôn cất, mồ mã cho bà Tiến. Do số tiền bà Tiến giao cho bà không đủ chi nên bà phải tự bỏ thêm tiền cá nhân của bà mới đủ. Sau khi bà Tiến mất, bà có kêu xe lên chở đồ: 01 tủ nhôm kiếng ở nhà sau (của bà mua), 01 máy massage (là của bà mua cho mẹ cH bà xài, bà chở từ Ba Tri lên để cho bà Tiến nằm lúc bệnh), 01 máy giặt và 01 máy nước nóng (của bà mua) nên đây là tài sản của bà, bà Tiến mất nên bà chở về Ba Tri là phù hợp. Tiền mà Đ1 (con riêng của ông Gi) chi lúc lo bà Tiến bệnh khoảng 4.000.000 đồng là có thật nhưng bà cũng đã trả lại đầy đủ cho Đ1. Do bà Tiến có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho bà, ông Gi và bà Tiến không còn là vợ cH hợp pháp (theo đơn xin thuận tình ly hôn có chủ tịch UBND xã Lương Hòa xác nhận ngày 06/12/2010) nên bà không đồng ý giao nhà cửa, đất đai cho ông Gi. Tuy nội dung di chúc không thể hiện bà Tiến để lại bà H tài sản gì, ở đâu, số lượng như thế nào mà lại để trống nhưng có rất nhiều người (anh chị em ruột, con cháu và có cả người ngoài) đã xác nhận về ý nguyện của bà Tiến về việc định đoạt tài sản của bà Tiến sau khi bà Tiến mất. Chữ ký trong di chúc thực sự là của bà Tiến ký, lúc đó bà Tiến còn đọc, còn minh mẫn, còn đi tới lui lòng vòng nhà được, ngày sau còn đi lên thành phố Hồ Chí Minh tái khám và còn nhận thức được chứ không phải mê man. Sở dĩ, bà không mời người làm chứng hoặc UBND xã tới để chứng thực chữ ký bà Tiến là vì các chị em bà sợ người ta nói ra, nói vô, cười chê bà Tiến bệnh không lo mà lo chia tài sản nên khi bà Tiến ký xong thì bà cất giữ 02 bản di chúc này đến nay và đã giao nộp cho Tòa án. Bà yêu cầu Tòa án công nhận di chúc trên để bà được toàn quyền quản lý, sử dụng 02 phần đất (diện tích 1037,6m^2 thửa 348, tờ bản đồ 7 và diện tích 888.3m^2 thửa 251, tờ bản đồ 10) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để bà thờ cúng bà Tiến, Cô 5, Chú 9 của bà. Ngoài ra, bà là người lo toàn bộ đám tang của bà Tiến nên bà yêu cầu ông Gi phải giao lại bà số tiền 14.900.000 đồng tiền trợ cấp mai táng mà ông Gi đã nhận từ Bảo hiểm xã hội huyện G.

Nếu trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của ông Gi buộc bà phải giao 02 phần đất và các tài sản đất nêu trên thì bà yêu cầu ông Gi phải trả lại cho bà tổng

cộng là: 199.954.283 đồng, bao gồm 9 khoản sau:

- Chi phí cho Họ đạo Mỹ Thạnh là 19.000.000 đồng (tiền công quả, tiền cúng tuần C, cúng Tiểu Tường, cúng Đại Tường và gửi quà cho bổn Đạo);

- Tiền trả cho dịch vụ trại hòm trọn gói là 37.000.000 đồng;

- Tiền mộ bà Tiến là 18.468.000 đồng (theo giá của Hội đồng định giá ngày 11/6/2024);

- Chi phí bà Tiến ăn uống thời gian bệnh là 15.000.000 đồng + tiền xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh, thuốc điều trị bệnh là 12.000.000 đồng + xe đi khám bệnh là 10.500.000 đồng = 37.500.000 đồng;

- Chi phí ăn uống đãi khách, mua sắm lặt vặt, tiền công thợ nấu, mua rau củ, gia vị, đồ nấu, gas, nước rửa chén… cho toàn bộ đám tang bà Tiến là 30.000.000 đồng;

- Tiền công lao động bà H bị mất do phải chăm sóc bà Tiến từ ngày 18/11/2022 đến ngày 21/02 (sau)/2023 âm lịch tổng cộng là 121 ngày x 300.000 đồng/ngày = 36.300.000 đồng. Việc cha con ông Gi nói bà Tiến tặng bà bộ trang sức 8 chỉ vàng để trừ tiền công nuôi bệnh là bà không đồng ý bởi vì bà không hề nhận bộ trang sức nào của bà Tiến, hiện tại bộ trang sức đó ở đâu bà không biết.

- Tiền cát đổ lắp sân nhà sau bà Tiến là 7.605.000 đồng. Vài ngày trước khi bà Tiến chết, bà có kêu ông Mẫn đổ lên chỗ sàn nước sau nhà bà Tiến 2 ghe cát khô để bà Tiến có qua đời thì có chỗ nơi rộng rãi, cao ráo, sạch sẽ làm đám tang. Do không có ngăn ra nên ¼ cát tràn qua đất bà Châu Anh, còn ¾ cát nằm bên đất bà Tiến. Chính bà là người trả tiền cho ông Mẫn bằng tiền của bà chứ bà Tiến không có đưa lại tiền cho bà;

- Tiền nhà vệ sinh là 12.081.283 đồng (theo giá của Hội đồng định giá ngày 11/6/2024) do bà cất hoàn thành sau khi bà Tiến chết, tự bà bỏ tiền ra để chi trả chứ bà Tiến không có đưa tiền trước cho bà;

- Tiền căn phòng của nhà sau (bà sửa năm 2017-2018 để bà ngủ nghỉ mỗi khi bà lên nhà bà Tiến chơi) là 2.000.000 đồng (theo giá thoả thuận hai bên được ghi nhận tại Biên bản định giá tài sản ngày 11/6/2024). Lúc đó, bà là người trả tiền vật liệu, tiền công chứ bà Tiến không có đưa lại cho bà.

Sau khi bà Tiến chết, 02 phần đất và căn nhà nói trên bà quản lý, sử dụng, thu huê lợi hàng tháng, đến nay được khoảng 6.126.000 đồng. Số tiền huê lợi này bà dùng mướn người dọn cỏ, làm vườn, mua đồ cúng, nhan đèn, hoa quả, trả tiền điện nước,... phục vụ cúng hàng ngày, cúng tuần, cúng 100 ngày, cúng giáp năm bà Tiến, đám giỗ Cô 5, Chú 9. Tiền huê lợi thu được không đủ để chi nên bà phải bỏ thêm tiền cá nhân của bà nữa. Tuy nhiên, bà không yêu cầu ông Gi phải trả lại cho bà

những chi phí này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C trình bày:

Ông là em ruột bà H, bà Tiến; nhà ông ở sát bên nhà bà Tiến. Ông Gi nói ông quậy buộc vợ cH ông Gi phải ly hôn cho êm chuyện là không có, tự hai người ký đơn ly hôn; ông chặt lá chuối bà Tiến vì cản đường đi vào nhà ông; ông không có xua đuổi ông Gi nhưng đuổi Đ1 (con ông Gi) do lúc nhỏ chơi chung, Đ1 hay gây gỗ, ăn hiếp con ông nên ông có đuổi Đ1 về. Bà H là người đứng ra chi trả các khoản ăn uống, điều trị bệnh và lo toàn bộ đám tang, chôn cất bà Tiến, ông chỉ bỏ công chạy tới, chạy lui phụ chị em chứ không có bỏ tiền ra. Sau khi bà Tiến chết, ông Gi thưa ra UBND xã LH để nhận thừa kế 04 thửa đất, sau khi công bố di chúc bà Tiến lập năm 2014 về việc để lại cho ông Nguyễn Ngọc Trực 02 phần đất (thửa 14 và 15, cùng tờ bản đồ 10 xã Lương Hòa), ông Gi đồng ý nên ông đã hỗ trợ ông Trực làm các thủ tục theo quy định. Đến ngày 28/12/2023, ông Trực được cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên. Ông thừa nhận: hiện ông đang cất giữ 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất diện tích 1037,6m^2 thửa 348, tờ bản đồ 7 và diện tích 888.3m^2 thửa 251, tờ bản đồ 10 xã Lương Hòa mà ông Gi đang tranh chấp trong vụ án này. Tiền hoa lợi trên 02 phần đất này từ khi bà Tiến chết đến nay, bà H cất giữ để mướn người làm cỏ, dọn vườn, mua sắm những thứ cần thiết để thờ cúng như bà H trình bày trên; ông không có chiếm giữ nhà đất và không hưởng lợi gì, vì ông có nhà kế bên nhà đất bà Tiến nên phụ bà H trông coi, giữ gìn tài sản. Trước yêu cầu khởi kiện của ông Gi, ông không đồng ý. Ông đề nghị Toà án xem xét giao cho bà H trọn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 02 phần đất và tài sản trên đất như yêu cầu của bà H bởi vì phù hợp với ý chí, nguyện vọng của bà Tiến tại di chúc do chính tay bà Tiến ký tên ngày 19/01/2023. Bà H là người chăm sóc bà Tiến chu đáo từ lúc bà Tiến bệnh và lo tròn hậu sự cho bà Tiến sau khi bà Tiến chết, chỉ có bà H đảm nhận được việc thờ cúng bà Tiến, Cô 5, Chú 9 về sau này, ngoài ra không ai có thể làm được việc này tốt bằng bà H. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn Đ1 trình bày:

Anh là con riêng của ông Gi. Từ khi ông Gi bà Tiến kết hôn và chung sống với nhau, bà Tiến rất thương anh và xem anh như con ruột. Bà cùng ông Gi nuôi dạy, lo cho anh ăn học thành tài, hiện anh đang đi làm trên Thành phố Hồ Chí Minh. Khi bà Tiến bị bệnh phải lên Thành phố Hồ Chí Minh khám và điều trị, anh luôn có mặt nên nắm được diễn biến bệnh của bà Tiến từ lần khám đầu tiên và đến khi bà Tiến chết. Bà Tiến là cán bộ hưu trí nên được Bảo hiểm y tế chi trả 95%, còn lại 5% do người bệnh chi trả và anh là người đóng những khoản này nên trên các hóa đơn, biên lai thu tiền của bệnh viện đều do anh nộp, ngoài ra một số vật tư y tế và thuốc ngoài danh mục bảo hiểm y tế chi trả thì anh cũng hỗ trợ mua cho bà Tiến, số tiền

này chỉ khoảng 4.000.000 đồng, đây là tiền của anh, không có ai đưa lại cho anh nhưng anh không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày:

Thống nhất ý kiến bà H, đề nghị Toà án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông Gi, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà H bởi lẽ:

Trong đơn khởi kiện ông Gi nêu "vợ cH tôi đăng ký kết hôn 13/4/2001 và chung sống hạnh phúc đến ngày vợ tôi mất", vợ cH không có con chung hay con riêng là hoàn toàn không đúng sự thật;

Đối với 2 thửa đất và ngôi nhà cùng toàn bộ tài sản mà ông Gi cho rằng do vợ cH ông xây dựng, mưa sắm, ông nói với vợ ông dặn riêng với ông là để lại cho ông canh tác, dưỡng già là không có căn cứ.

Về tờ di chúc: Trước khi bà Tiến chết, bà Tiến đã trực tiếp ký ghi họ tên vào tờ di chúc ngày 29/01/2023, ý chí của bà Tiến sẽ để lại toàn bộ nhà đất cho bà H để chăm lo bà Tiến và thay bà Tiến thờ cúng Cô 5, Chú 9. Tuy di chúc chưa hoàn thành về hình thức có nhiều nhân chứng đứng ra xác nhận ý chí này của bà Tiến.

Bà H là người đứng ra lo đám tang bà Tiến nên đề nghị Toà án buộc ông Gi trả lại cho bà H số tiền trợ cấp mai táng phí là 14.900.000 đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đưa vụ án ra xét xử và tại quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2024/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Châu Tiến.

Buộc bà Nguyễn Thị H giao cho ông Nguyễn Văn Gi 02 phần đất và toàn bộ tài sản gắn liền với phần đất diện tích 810.9m^2 thửa 251a, tờ bản đồ 10 và diện tích 1.037,6m^2 thửa 348, tờ bản đồ 7 tại xã Lương Hòa, huyện G, tỉnh E.

Buộc ông Nguyễn Văn Gi trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 129.554.283 (Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 phần đất nêu trên cho ông Gi như án tuyên khi đương sự có yêu cầu.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu công nhận di chúc ngày 29/01/2023 của bà Nguyễn Thị Châu Tiến.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Gi trả lại bà tiền trợ cấp mai táng. Buộc ông Gi trả lại cho bà H số tiền trợ cấp mai táng là 14.900.000 (Mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/12/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lại các chi phí mà ông Gi hoàn trả cho bà H như sau: Ông Gi không đồng ý trả lại bà H số tiền hỗ trợ mai táng phí là 14.900.000 đồng, chi phí chi cho Họ đạo Mỹ Thạnh chỉ có 10.000.000 đồng, tiền mộ bà Tiến chỉ có 11.000.000 đồng, tiền nấu ăn đám tang bà Tiến không vượt quá 20.000.000 đồng, không đồng ý trả giá trị nhà vệ sinh, yêu cầu bà H đập bỏ hoặc di dời, tiền bơm cát sân sau chỉ có 3.000.000 đồng, tiền thăm bệnh mà bà H nhận là 23.200.000 đồng chứ không phải 8.400.000 đồng. Do đó, sau khi trừ tiền bà H đã nhận thì ông Gi chỉ đồng ý hoàn trả cho bà H số tiền 56.146.000 đồng.

Ngày 23/12/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết vụ việc theo đúng bản chất thực tế phát sinh của vụ việc, tuyên bố vô hiệu đối với Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Gi, tuyên Bà H, ông C có quyền thụ hưởng và định đoạt toàn bộ tất cả tài sản của bà Tiến theo đúng di ngôn, di chúc, nguyện vọng và mong muốn của bà Tiến trước phút lâm chung và có sự chứng kiến xác nhận của người thân, họ hàng, hàng xóm láng giềng khi đến thăm bà Tiến tại nhà riêng của bà Tiến. Buộc bà Phạm Ngọc Ánh - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện G có trách nhiệm bồi thường tổn thất thiệt hại về vật chất và tinh thần cho bà H, ông C vì đã làm việc tắc trách, vô trách nhiệm, giải quyết vụ án qua loa, kết luận sự việc qua loa cho xong việc, làm mất hình ảnh trong lòng người dân và gây xấu cho xã hội vì xuyên tạc sự thật, xuyên tạc công lý, gây cho bà H và ông C phải gánh chịu những hậu quả nặng nề về kinh tế, tài chính và tổn thương sâu sắc về tâm lý. Buộc ông Gi và anh Đ1 có trách nhiệm bồi thường tổn thất vật chất, tinh thần cho bà H, ông C và những người thân gia đình bà H vì đã cố ý chiếm đoạt tài sản của bà Tiến, nhiều lần sử dụng những ngôn từ thô tục, tục tĩu, hung bạo nhằm vu khống, đe doạ tính mạng, uy hiếp tinh thần, phỉ báng, lăng mạ, xúc phạm uy tín và danh dự của bà H, ông C và những người thân gia đình bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị xem xét lại các khoảng chi phí phải trả cho bà H là 129.554.383 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng ông Gi và bà Tiến đã thuận tình ly hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa; trước khi chết bà Tiến có di chúc để lại toàn bộ tài sản cho bà H; bà H yêu cầu Tòa án công nhận tài

sản bà Tiến để lại cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2024/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của ông Gi, bà H; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi khởi kiện yêu cầu được nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Châu Tiến chết ngày 11/4/2023 để lại gồm thửa đất số 251, tờ bản đồ số 10 cùng ngôi nhà trên đất và thửa đất số 348, tờ bản đồ số 7. Hiện các tài sản này do bị đơn bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng nên ông Gi yêu cầu bà H phải giao lại do ông Gi là cH hợp pháp của bà Tiến, là người thừa kế duy nhất ở hàng thừa kế thứ nhất của bà Tiến.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng khi còn sống bà Tiến đã lập di chúc đề ngày 29/01/2023 để lại toàn bộ tài sản nêu trên cho bà nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Gi. Bà H yêu cầu được nhận di sản của bà Tiến để lại theo di chúc đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 251, tờ bản đồ số 10 và thửa đất số 348, tờ bản đồ số 7, tọa lạc xã Lương Hòa, huyện G, tỉnh E. Ngoài ra, yêu cầu ông Gi trả lại 14.900.000 đồng tiền trợ cấp mai táng phí của bà Tiến mà ông Gi đã nhận từ Bảo hiểm xã hội huyện G. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Gi thì bà H yêu cầu ông Gi phải trả lại cho bà H toàn bộ chi phí nuôi dưỡng, mai táng phí của bà Tiến với tổng số tiền là 199.954.283 đồng.

[3] Về hàng thừa kế của bà Tiến:

Theo giấy khai sinh của bà Tiến thì cha mẹ bà Tiến là cụ Nguyễn Ngọc Nhạn,

chết năm 1998 và cụ Nguyễn Thị Điệc, chết năm 2010. Bà Tiến và ông Gi đăng ký kết hôn ngày 03/4/2001, không có con chung, bà Tiến không có con nuôi, con riêng. Bị đơn bà H cho rằng ông Gi và bà Tiến đã ly hôn theo đơn xin ly hôn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa, tuy nhiên theo quy định tại Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật nên bà Tiến và ông Gi vẫn còn tồn tại hôn nhân hợp pháp. Do đó, có căn cứ xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Tiến chỉ có duy nhất một người là ông Gi.

[4] Về di sản của bà Tiến:

Các đương sự đều thống nhất tài sản của bà Tiến chết để lại gồm thửa đất số 251, tờ bản đồ số 10, diện tích 888,3m^2 (qua đo đạc thực tế có diện tích 810,9m^2, ký hiệu 251a) và thửa đất số 348, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.037,6m^2, cùng tọa lạc xã Lương Hòa, huyện G, tỉnh E và ngôi nhà cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất số 251, tờ bản đồ số 10. Các tài sản trên hiện do bà H quản lý, sử dụng.

[5] Xét yêu cầu của ông Gi về chia di sản thừa kế:

Bị đơn bà H cho rằng khi còn sống bà Tiến đã lập di chúc đề ngày 29/01/2023 để lại toàn bộ tài sản nêu trên cho bà, bà Nguyễn Thị Châu Anh (em ruột bà Tiến) là người ghi các thông tin như họ tên, nơi cư trú của bà Tiến, bà H nhưng bà Tiến là người ký, viết họ tên dưới mục người lập di chúc trong tờ di chúc đề ngày 29/01/2023, mặc dù di chúc không thể hiện bà Tiến để lại cho bà H tài sản gì, ở đâu, số lượng như thế nào nhưng có rất nhiều người gồm anh chị em ruột, con cháu và có cả người ngoài đã xác nhận về ý nguyện của bà Tiến là định đoạt toàn bộ tài sản của bà Tiến cho bà H. Xét thấy, di chúc đề ngày 29/01/2023 không đề cập đến thông tin của di sản để lại là gì, người lập di chúc không tự viết di chúc, di chúc không được công chứng hoặc chứng thực nên không đảm bảo điều kiện để được công nhận là một di chúc hợp pháp theo quy định tại các Điều 627, 628, 630, 631 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bị đơn bà H yêu cầu công nhận di chúc đề ngày 29/01/2023 để bị đơn được nhận thừa kế di sản của bà Tiến là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 10 và thửa đất số 348, tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc xã Lương Hòa, huyện G, tỉnh E cùng toàn bộ tài sản có trên đất không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 251, tờ bản đồ số 10 gồm có: Nhà chính có kết cấu móng cột bê tông, cốt thép, vách tường, mái tole Fibro xi măng, không trần, nền lát gạch ceramic; nhà phụ có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, gỗ tạp, vách gỗ, mái tole Fibro xi măng và tole tráng kẽm không trần, nền lát gạch tàu; nhà vệ sinh nền lát gạch ceramic, móng bê tông, cột xây gạch, tường dán gạch.

Do di chúc được xác định là không hợp pháp nên di sản của bà Tiến được chia theo pháp luật. Ông Gi là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tiến nên được nhận toàn bộ di sản của bà Tiến. Di sản của bà Tiến hiện do bà H

quản lý, sử dụng nên cấp sơ thẩm buộc bà H giao trả lại cho ông Gi là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H về đòi lại tài sản:

[6.1] Bà H yêu cầu ông Gi phải giao lại cho bà H tiền mai táng phí của bà Tiến mà ông Gi đã nhận là 14.900.000 đồng, nhận thấy: ông Gi là cH hợp pháp của bà Tiến và là người thừa kế duy nhất của bà Tiến. Vì vậy, việc ông Gi thực hiện các thủ tục để nhận tiền mai táng phí theo chế độ trợ cấp của Bảo hiểm xã hội là đúng quy định. Tuy nhiên, bà H là người lo mai táng phí khi bà Tiến chết nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Gi phải hoàn lại số tiền mà bà H đã bỏ ra để tổ chức đám tang cho bà Tiến là phù hợp với quy định tại Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 về trợ cấp mai táng.

Các đương sự có lời trình bày thống nhất là khi bà Tiến điều trị bệnh đến khi chết thì bà H là người trực tiếp chăm sóc nuôi bệnh và thanh toán các khoản chi phí để lo đám tang của bà Tiến. Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Gi phải hoàn trả cho bà H các khoản chi phí bà H đã bỏ ra là phù hợp, cụ thể:

- Tiền công lao động bà H bị mất trong thời gian nuôi bệnh bà Tiến từ ngày 18/11/2022 đến ngày 21/02/2023 âm lịch là 121 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng theo lời thừa nhận của ông Gi. Tổng cộng là 36.300.000 đồng. Ông Gi cho rằng trong khoảng 121 ngày bà Tiến bệnh có những ngày bà Tiến khoẻ không cần người chăm sóc, có những ngày bà H nghỉ về quê không nuôi bà Tiến nhưng ông Gi không có chứng cứ chứng minh.

- Chi phí cho Họ đạo Mỹ Thạnh gồm tiền công quả, tiền cúng C, cúng Tiểu Tường, cúng Đại Tường, cúng công đức được xác nhận là 19.000.000 đồng theo biên bản xác minh ngày 05/11/2024.

- Tiền trả dịch vụ mai táng trọn gói là 37.000.000 đồng.

- Tiền mộ căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 11/6/2024 là 18.468.000 đồng.

- Chi phí nấu thức ăn chay đám tang bà Tiến theo xác nhận ngày 10/6/2024 là 30.000.000 đồng.

- Đối với các khoản chi phí như: Tiền bơm cát đổ lấp sân nhà sau của bà Tiến với giá trị 02 ghe cát là 7.605.000 đồng; tiền xây nhà vệ sinh 12.081.283 đồng; tiền sửa căn phòng nhà bà Tiến 2.000.000 đồng, tiền xe đi khám bệnh 10.500.000 đồng. Các đương sự thống nhất bà H là người chi trả các khoản tiền trên nên có cơ sở xem xét chấp nhận buộc ông Gi trả lại các chi phí này.

- Đối với các khoản chi phí như: Tiền chi phí ăn uống 15.000.000 đồng, tiền thuốc, tiền thuốc và các xét nghiệm điều trị bệnh 12.000.000 đồng, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Ngoài ra, việc nguyên đơn cho rằng bà Tiến cho bà H bộ trang sức gồm 02 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tay và 02 chiếc nhẫn 08 chỉ vàng bù lại tiền công nuôi bệnh nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Do ông Gi là người hưởng di sản thừa kế của bà Tiến đồng thời ông cũng đã nhận số tiền trợ cấp mai táng phí từ Bảo hiểm xã hội huyện G nên ông Gi có nghĩa vụ hoàn trả lại những khoản tiền trên cho bà H. Bà H thừa nhận bà có giữ số tiền 43.400.000 đồng (gồm 8.400.000 đồng tiền thăm bệnh, 5.000.000 đồng tiền mặt và 30.000.000 đồng trong thẻ ATM) của bà Tiến giao trước khi chết. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền bà H đã nhận của bà Tiến thì ông Gi còn phải trả thêm cho bà H 129.554.283 đồng (172.954.283 đồng - 43.400.000 đồng).

[6.2] Đối với kháng cáo của bà H về yêu cầu Thẩm phán và ông Gi, anh Đ1 bồi thường thiệt hại do tổn thất về vật chất và tinh thần cho bà không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần phản tố của bị đơn là phù hợp. Nguyên đơn ông Gi, bị đơn bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, vì vậy giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2024/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Gi, bà H không được chấp nhận nên ông Gi, bà H phải chịu án phí, tuy nhiên ông Gi, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2024/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G.

Căn cứ các Điều 147, 148, 165, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 623, 627, 628, 631, 633, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Châu Tiến.

Buộc bà Nguyễn Thị H giao cho ông Nguyễn Văn Gi phần đất diện tích 810,9m^2 (ký hiệu 251a) thuộc một phần thửa đất số 251, tờ bản đồ số 10 và phần đất diện tích 1.037,6m^2 thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện G, tỉnh E (có họa đồ kèm theo).

Buộc bà Nguyễn Thị H giao cho ông Nguyễn Văn Gi toàn bộ tài sản gắn liền với phần đất diện tích 810,9m^2 (ký hiệu 251a) thuộc một phần thửa đất số 251, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện G, tỉnh E gồm: Nhà chính có kết cấu móng cột bê tông, cốt thép, vách tường, mái tole Fibro xi măng, không trần, nền lát gạch ceramic; nhà phụ có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, gỗ tạp, vách gỗ, mái tole Fibro xi măng và tole tráng kẽm không trần, nền lát gạch tàu; nhà vệ sinh nền lát gạch ceramic, móng bê tông, cột xây gạch, tường dán gạch.

Buộc ông Nguyễn Văn Gi trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 129.554.283 (một trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 phần đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn Gi cho phù hợp bản án đã tuyên khi đương sự có yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

2.1. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Gi trả lại cho bà Nguyễn Thị H tiền trợ cấp mai táng. Buộc ông Nguyễn Văn Gi trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền trợ cấp mai táng là 14.900.000 (mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu công nhận di chúc ngày 29/01/2023 của bà Nguyễn Thị Châu Tiến.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Nguyễn Văn Gi số tiền 3.410.000 (ba triệu bốn trăm mười nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Gi và bà Nguyễn Thị H được miễn án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh E;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng TT,KT&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã Ký

Lê Thị Thu Hương